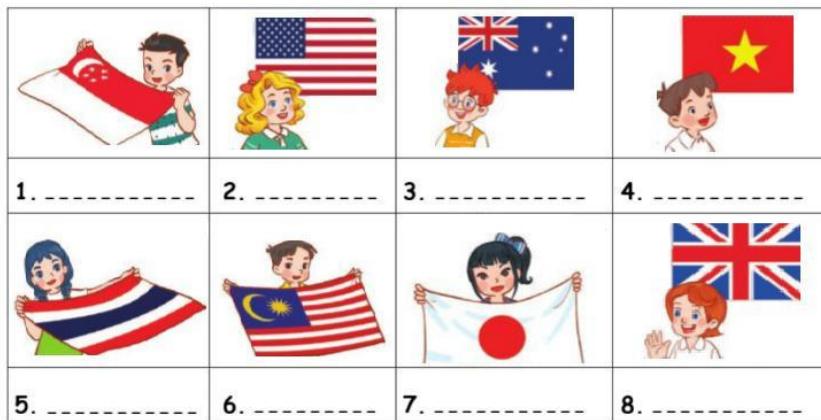
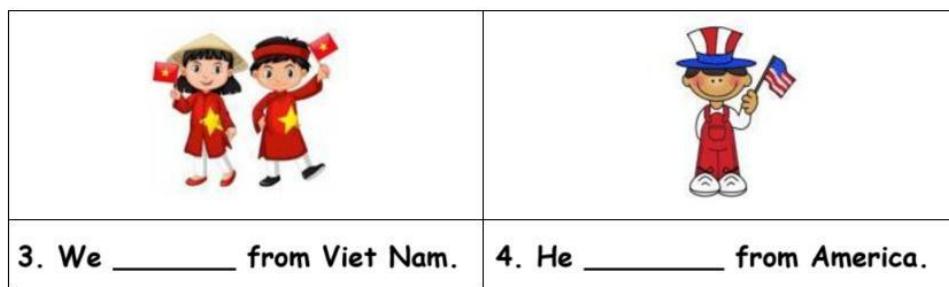
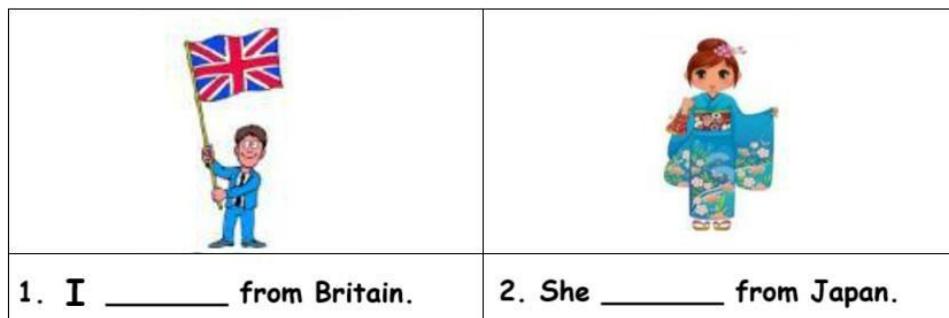


Exercise 1: Listen and write the correct words



Số	Đại từ nhân xưng	To be	Tính từ sở hữu
Số ít	I (tôi)	am	My (của tôi)
Số nhiều	We (chúng tôi)	are	Our (của chúng tôi)
Số ít	You (bạn)	are	Your (của bạn)
Số nhiều	You (các bạn)	are	Your (của các bạn)
	He (anh ấy)	is	His (của anh ấy)
Số ít	She (cô ấy)	is	Her (của cô ấy)
	It (nó)	is	Its (của nó)
Số nhiều	They (họ)	are	Their (của họ)

Exercise 2: Look and write am/is/are



Exercise 3: Read and write:

I'm	He's	She's	We're	They're
-----	------	-------	-------	---------

1. My name is Judy. ----- from America.
2. That's Laura. ----- from Canada.
3. Tom is seven years old. ----- from Britain.
4. Nick and Sam are brothers. ----- from Australia.
5. Huong and I are friends. ----- from Viet Nam.
6. Hana is nine years old. ----- from Japan.
7. Ann and I are sisters. ----- from Malaysia.
8. May and Lisa are friends. ----- from Thailand.

Exercise 4: Read and drag the words

Nice to meet you, too.

Lucas

reading

Hello!

10 years old

Australia

